

B, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 32/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T, S năm: 1989

Bị đơn: anh Trần Ngọc S, S năm: 1988

Cùng địa chỉ: ấp Tân Hiệp, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc S.

- *Về con chung:* Giao 01 (một) con chung chưa thành niên tên: Trần Văn A, S ngày 27/5/2011 cho anh Trần Ngọc S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; Giao 01 (một) con chung chưa thành niên tên: Trần Ngọc K, S ngày 21/12/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị T, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung:* chị T, anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0017593 ngày 20/4/2022; Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho chị T 3.725.000đ (ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu trên.

- *Về chi phí tố tụng*: Đối với: 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản chị Trần Thị T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) chị T đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện B vào ngày 09/6/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, BĐ, BP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Trần Văn Lượng